

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tin học - MH1109016

Giám thị 1: M. Trung Ký tên: An

Mã lớp học phần: MH110901602

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Phạm Minh Trung - (01017)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010040017	Nguyễn Tuấn Anh	13/08/2002	<u>Anh</u>	8.0	Tam không	C22CK1	
2	2010040007	Nguyễn Thành Được	11/01/2002				C22CK1	
3	2010040009	Phạm Xuân Hòa	13/08/2002				C22CK1	
4	2010040018	Lương Quốc Huy	30/09/2001	<u>Huy</u>	9.0	Chấp không	C22CK1	
5	2010040014	Lê Minh Kha	20/02/2002	<u>Kha</u>	9.5	Chấp không	C22CK1	
6	2010040016	Trà Anh Kiệt	21/01/2002	<u>Kiệt</u>	10	Mười	C22CK1	
7	2010040021	Huỳnh Văn Lạc	14/07/2001	<u>Lạc</u>	8.0	Tam không	C22CK1	
8	2010040015	Trần Khánh Linh	12/04/2000				C22CK1	
9	2010040022	Nguyễn Thành Luân	19/12/2001	<u>Luân</u>	7.0	Bảy không	C22CK1	
10	2010040005	Nguyễn Trọng Nghĩa	14/01/2002	<u>Nghĩa</u>	5.5	Năm năm	C22CK1	
11	2010040020	Huỳnh Chí Nguyễn	30/01/2002	<u>Nguyễn</u>	9.0	Chấp không	C22CK1	
12	2010040011	Nguyễn Văn Nở	09/12/2000	<u>Nở</u>	9.0	Chấp không	C22CK1	
13	2010040029	Phạm Quỳnh	10/06/2001	<u>Quỳnh</u>	8.5	Tam năm	C22CK1	
14	2010040003	Trần Quốc Thanh	02/06/2002				C22CK1	
15	2010040013	Trần Trung Tín	08/01/2002	<u>Tín</u>	10	Mười	C22CK1	
16	2010040001	Huỳnh Hữu Trí	26/05/2002	<u>Trí</u>	8.5	Tam năm	C22CK1	
17	2010040019	Phan Tấn Trường	08/05/2002	<u>Trường</u>	8.5	Tam năm	C22CK1	
18	2010040006	Nguyễn Thanh Tùng	19/02/2002	<u>Tùng</u>	9.0	Chấp không	C22CK1	
19	2010040024	Đặng Quang Vinh	07/12/2002	<u>Vinh</u>	8.0	Tam không	C22CK1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 15 vắng thi: 04 . Số bài thi: 15 / 15 .

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____ Tỷ lệ đạt: _____ , _____ %

Ngày 15 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Quang Sáng

Ngày 27 tháng 3 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Minh Trung

PHÒNG
KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tin học - MH1109016

Giám thị 1: M. Trung Ký tên: Tran

Mã lớp học phần: MH110901602

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Phạm Minh Trung - (01017)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010040017	Nguyễn Tuấn Anh	13/08/2002	<u>Anh</u>	6.5	Sáu năm	C22CK1	
2	2010040007	Nguyễn Thành Được	11/01/2002				C22CK1	
3	2010040009	Phạm Xuân Hòa	13/08/2002				C22CK1	
4	2010040018	Lương Quốc Huy	30/09/2001	<u>Huy</u>	6.5	Sáu năm	C22CK1	
5	2010040014	Lê Minh Kha	20/02/2002	<u>Kha</u>	8.5	Tám năm	C22CK1	
6	2010040016	Trà Anh Kiệt	21/01/2002	<u>Ah</u>	7.0	Bảy không	C22CK1	
7	2010040021	Huỳnh Văn Lạc	14/07/2001	<u>Lac</u>	5.5	Năm năm	C22CK1	
8	2010040015	Trần Khánh Linh	12/04/2000				C22CK1	
9	2010040022	Nguyễn Thành Luân	19/12/2001	<u>Luân</u>	6.5	Sáu năm	C22CK1	
10	2010040005	Nguyễn Trọng Nghĩa	14/01/2002	<u>Nghĩa</u>	5.5	Năm năm	C22CK1	
11	2010040020	Huỳnh Chí Nguyễn	30/01/2002	<u>Nguyễn</u>	6.0	Sáu không	C22CK1	
12	2010040011	Nguyễn Văn Nở	09/12/2000	<u>Nở</u>	4.5	Bốn năm	C22CK1	
13	2010040029	Phạm Quỳnh	10/06/2001	<u>Quỳnh</u>	6.0	Sáu không	C22CK1	
14	2010040003	Trần Quốc Thanh	02/06/2002				C22CK1	
15	2010040013	Trần Trung Tín	08/01/2002	<u>Tín</u>	8.5	Tám năm	C22CK1	
16	2010040001	Huỳnh Hữu Trí	26/05/2002	<u>Trí</u>	6.0	Sáu không	C22CK1	
17	2010040019	Phan Tấn Trường	08/05/2002	<u>Trường</u>	6.0	Sáu không	C22CK1	
18	2010040006	Nguyễn Thanh Tùng	19/02/2002	<u>Tùng</u>	5.0	Năm không	C22CK1	
19	2010040024	Đặng Quang Vinh	07/12/2002	<u>Vinh</u>	5.0	Năm không	C22CK1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 15 vắng thi: 04 . Số bài thi: 15 / 15 .

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày: 05 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Quang Sáng

Ngày: 27 tháng 5 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Minh Trung

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tin học - MH1109016

Mã lớp học phần: MH110901602

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Phạm Minh Trung - (01017)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: M. Trung Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010040012	Ngô Gia Bảo	20/04/2001	<u>Bảo</u>	<u>5.0</u>	<u>Không</u>	C22CK1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 0 . Số bài thi: 01 / 01 .

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____, _____ %

Ngày 05 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
ThS. Phạm Quang SángNgày 27 tháng 3 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Phạm Minh Trung



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tin học - MH1109016

Mã lớp học phần: MH110901602

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Phạm Minh Trung - (01017)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: M. Trung Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010040012	Ngô Gia Bảo	20/04/2001	<u>Bảo</u>	<u>5.5</u>	<u>Năm điểm</u>	C22CK1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 0 . Số bài thi: 01 / 01 .

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____, _____ %

Ngày 05 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Quang Sáng

Ngày 27 tháng 3 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Minh Trung

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tin học - MH1109016

Mã lớp học phần: MH110901602

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Phạm Minh Trung - (01017)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: M. Trung Ký tên: An

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010040031	Trần Văn Trường An	21/11/2001	<u>An</u>	10	Mười	C22CK2	
2	2010040038	Nguyễn Trần Quốc Bảo	26/05/2002	<u>Bao</u>	4.5	Bốn năm	C22CK2	
3	2010040030	Phan Hoài Bảo	03/12/2002	<u>An</u>	8.0	Tám không	C22CK2	
4	2010040046	Phan Anh Hào	07/07/2002	<u>Hao</u>	9.0	Chín không	C22CK2	
5	2010040036	Võ Trung Hậu	01/07/2001	<u>Hau</u>	8.0	Tám không	C22CK2	
6	2010040049	Đỗ Nguyễn Thanh Hoàng	03/07/2002	<u>Hoang</u>	10	Mười	C22CK2	
7	2010010076	Võ Khắc Huy	25/04/2002	<u>Huy</u>	8.0	Tám không	C22CK2	
8	2010040032	Lý Văn Hùng	22/07/2002	<u>Hung</u>	8.5	Tám năm	C22CK2	
9	2010040025	Tổng Duy Khương	07/01/2001	<u>Khuong</u>	7.5	Bảy năm	C22CK2	
10	2010040042	Đoàn Khánh Linh	14/10/2002	<u>Linh</u>	10	Mười	C22CK2	
11	2010040044	Nguyễn Tấn Lộc	09/05/2002	<u>Loc</u>	7.0	Bảy không	C22CK2	
12	2010040047	Nguyễn Thành Lợi	04/07/2002	<u>Loi</u>	8.0	Tám không	C22CK2	
13	2010040050	Trương Phước Lợi	04/07/2002	<u>Loi</u>	10	Mười	C22CK2	
14	2010040045	Nguyễn Thanh Nhân	08/10/2002	<u>Nhan</u>	10	Mười	C22CK2	
15	2010040034	Huỳnh Tấn Thành	21/09/2002	<u>Thanh</u>	9.5	Chín năm	C22CK2	
16	2010040041	Nguyễn Ngọc Thạch	21/07/2002	<u>Thach</u>	7.5	Bảy năm	C22CK2	
17	2010040039	Nguyễn Văn Thiện	23/06/2002	<u>Thien</u>	5.0	Năm không	C22CK2	
18	2010040027	Nguyễn Hữu Thịnh	07/01/2002	<u>Thinh</u>	10	Mười	C22CK2	
19	2010040028	Nguyễn Minh Tiến	29/10/2002	<u>Tien</u>	6.0	Sáu không	C22CK2	
20	2010040037	Trần Văn Tình	15/04/2001	<u>Tinh</u>	5.5	Năm năm	C22CK2	
21	2010040043	Nguyễn Minh Triết	25/10/2002	<u>Triet</u>	10	Mười	C22CK2	
22	2010040048	Đào Hải Trường	18/09/2002	<u>Truong</u>	6.0	Sáu không	C22CK2	
23	2010040035	Nguyễn Thanh Tùng	29/07/2000	<u>Tung</u>	10	Mười	C22CK2	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 23 vắng thi: 0 . Số bài thi: 23 / 23

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____, _____ %

Ngày 05 tháng 11 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày in: 09/11/2021

ThS. Phạm Quang Sáng

Ngày 27 tháng 3 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Minh Trung

PHÒNG
KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tin học - MH1109016

Giám thị 1: M. Brung Ký tên: [Signature]

Mã lớp học phần: MH110901602

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Phạm Minh Trung - (01017)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010040031	Trần Văn Trường An	21/11/2001	<u>[Signature]</u>	7.0	Bảy không	C22CK2	
2	2010040038	Nguyễn Trần Quốc Bảo	26/05/2002	<u>[Signature]</u>	5.5	Năm năm	C22CK2	
3	2010040030	Phan Hoài Bảo	03/12/2002	<u>[Signature]</u>	7.0	Bảy không	C22CK2	
4	2010040046	Phan Anh Hào	07/07/2002	<u>[Signature]</u>	8.5	Tám năm	C22CK2	
5	2010040036	Võ Trung Hậu	01/07/2001	<u>[Signature]</u>	7.0	Bảy không	C22CK2	
6	2010040049	Đỗ Nguyễn Thanh Hoàng	03/07/2002	<u>[Signature]</u>	7.0	Bảy không	C22CK2	
7	2010010076	Võ Khắc Huy	25/04/2002	<u>[Signature]</u>	7.5	Bảy năm	C22CK2	
8	2010040032	Lý Văn Hùng	22/07/2002	<u>[Signature]</u>	7.0	Bảy không	C22CK2	
9	2010040025	Tổng Duy Khương	07/01/2001	<u>[Signature]</u>	6.0	Sáu không	C22CK2	
10	2010040042	Đoàn Khánh Linh	14/10/2002	<u>[Signature]</u>	7.5	Bảy năm	C22CK2	
11	2010040044	Nguyễn Tấn Lộc	09/05/2002	<u>[Signature]</u>	4.0	Bốn không	C22CK2	
12	2010040047	Nguyễn Thành Lợi	04/07/2002	<u>[Signature]</u>	7.0	Bảy không	C22CK2	
13	2010040050	Trương Phước Lợi	04/07/2002	<u>[Signature]</u>	4.0	Bốn không	C22CK2	
14	2010040045	Nguyễn Thanh Nhân	08/10/2002	<u>[Signature]</u>	6.0	Sáu không	C22CK2	
15	2010040034	Huỳnh Tấn Thành	21/09/2002	<u>[Signature]</u>	7.5	Bảy năm	C22CK2	
16	2010040041	Nguyễn Ngọc Thạch	21/07/2002	<u>[Signature]</u>	8.0	Tám không	C22CK2	
17	2010040039	Nguyễn Văn Thiện	23/06/2002	<u>[Signature]</u>	5.5	Năm năm	C22CK2	
18	2010040027	Nguyễn Hữu Thịnh	07/01/2002	<u>[Signature]</u>	6.0	Sáu không	C22CK2	
19	2010040028	Nguyễn Minh Tiến	29/10/2002	<u>[Signature]</u>	7.0	Bảy không	C22CK2	
20	2010040037	Trần Văn Tình	15/04/2001	<u>[Signature]</u>	6.5	Sáu năm	C22CK2	
21	2010040043	Nguyễn Minh Triết	25/10/2002	<u>[Signature]</u>	6.0	Sáu không	C22CK2	
22	2010040048	Đào Hải Trường	18/09/2002	<u>[Signature]</u>	5.5	Năm năm	C22CK2	
23	2010040035	Nguyễn Thanh Tùng	29/07/2000	<u>[Signature]</u>	6.0	Sáu không	C22CK2	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 23 vắng thi: 0 . Số bài thi: 23 / 23 .

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____, _____ %

Ngày 05 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]Ngày 27 tháng 3 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tin học - MH1109016

Mã lớp học phần: MH110901602

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Phạm Minh Trung

Ngày thi: 12/04/2021

Giờ thi: 07h45

Phòng thi: PM 3

Giám thị 1:

MU Tinh

Ký tên:

AU

Giám thị 2:

N.L.P. Oanh

Ký tên:

JS

Giám thị 3:

T.T. Hoa

Ký tên:

Ban

Giám thị 4:

Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010040031	Trần Văn Trường An	24/11/2001	<u>Tran</u>		6.0	Sau không	C22CK2	
2	2010040017	Nguyễn Tuấn Anh	13/08/2002	<u>Anh</u>		5.0	Năm không	C22CK1	
3	2010040012	Ngô Gia Bảo	20/04/2001	<u>Ngobao</u>		6.0	Sau không	C22CK1	
4	2010040038	Nguyễn Trần Quốc Bảo	26/05/2002	<u>Bao</u>		6.5	Sau năm	C22CK2	
5	2010040030	Phan Hoài Bảo	03/12/2002	<u>Phan</u>		3.0	Ba không	C22CK2	
6	2010040046	Phan Anh Hào	07/07/2002	<u>Hao</u>		6.5	Sau năm	C22CK2	
7	2010040036	Võ Trung Hậu	01/07/2001	<u>Hau</u>		5.5	Năm năm	C22CK2	
8	2010040049	Đỗ Nguyễn Thanh Hoàng	03/07/2002	<u>Hoang</u>		4.0	Bốn không	C22CK2	
9	2010040018	Lương Quốc Huy	30/09/2001	<u>Huy</u>		7.5	Bảy năm	C22CK1	
10	2010010076	Võ Khắc Huy	25/04/2002	<u>Huy</u>		5.5	Năm năm	C22CK2	
11	2010040032	Lý Văn Hùng	22/07/2002	<u>Hung</u>		7.0	Bảy không	C22CK2	
12	2010040014	Lê Minh Kha	20/02/2002	<u>Kha</u>		7.0	Bảy không	C22CK1	
13	2010040025	Tổng Duy Khương	07/01/2001	<u>Khuong</u>		3.5	Ba năm	C22CK2	
14	2010040016	Trà Anh Kiệt	21/01/2002	<u>Kiet</u>		6.0	Sau không	C22CK1	
15	2010040021	Huỳnh Văn Lạc	14/07/2001	<u>Lac</u>				C22CK1	
16	2010040042	Đoàn Khánh Linh	14/10/2002	<u>Linh</u>		8.0	Tám không	C22CK2	
17	2010040044	Nguyễn Tấn Lộc	09/05/2002	<u>Loc</u>		5.0	Năm không	C22CK2	
18	2010040047	Nguyễn Thành Lợi	04/07/2002	<u>Loi</u>		7.0	Bảy không	C22CK2	
19	2010040050	Trương Phước Lợi	04/07/2002	<u>Loi</u>				C22CK2	
20	2010040022	Nguyễn Thành Luân	19/12/2001	<u>Luân</u>		6.0	Sau không	C22CK1	
21	2010040005	Nguyễn Trọng Nghĩa	14/01/2002	<u>Nghia</u>		6.0	Sau không	C22CK1	
22	2010040020	Huỳnh Chí Nguyên	30/01/2002	<u>Nguyen</u>		5.5	Năm năm	C22CK1	
23	2010040045	Nguyễn Thanh Nhân	08/10/2002	<u>Nhan</u>		5.5	Năm năm	C22CK2	
24	2010040011	Nguyễn Văn Nở	09/12/2000	<u>No</u>		4.0	Bốn không	C22CK1	
25	2010040029	Phạm Quỳnh	10/06/2001	<u>Pham</u>		6.0	Sau không	C22CK1	
26	2010040034	Huỳnh Tấn Thành	21/09/2002	<u>Thanh</u>		6.0	Sau không	C22CK2	
27	2010040041	Nguyễn Ngọc Thạch	21/07/2002	<u>Thach</u>		6.5	Sau năm	C22CK2	
28	2010040039	Nguyễn Văn Thiện	23/06/2002	<u>Thien</u>		5.5	Năm năm	C22CK2	
29	2010040027	Nguyễn Hữu Thịnh	07/01/2002	<u>Thinh</u>		4.0	Bốn không	C22CK2	
30	2010040028	Nguyễn Minh Tiến	29/10/2002	<u>Tien</u>		4.0	Bốn không	C22CK2	
31	2010040037	Trần Văn Tinh	15/04/2001	<u>Tinh</u>		5.5	Năm năm	C22CK2	
32	2010040013	Trần Trung Tín	08/01/2002	<u>Tin</u>		8.0	Tám không	C22CK1	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2010040043	Nguyễn Minh	Triết	25/10/2002			6.5	Sau năm	C22CK2
34	2010040001	Huỳnh Hữu	Trí	26/05/2002			6.5	Sau năm	C22CK1
35	2010040048	Đào Hải	Trường	18/09/2002			2.0	Hai không	C22CK2
36	2010040019	Phan Tấn	Trường	08/05/2002			6.0	Sau không	C22CK1
37	2010040006	Nguyễn Thanh	Tùng	19/02/2002			6.0	Sau không	C22CK1
38	2010040035	Nguyễn Thanh	Tùng	29/07/2002			6.0	Sau không	C22CK2
39	2010040024	Đặng Quang	Vinh	07/12/2002			6.0	Sau không	C22CK1

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 37 vắng thi: 02. Số bài thi/Số tờ: 37 / 37.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 19 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)




ThS. Phạm Quang Sáng

Ngày 12 tháng 4 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Phạm Minh Trung